

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 310/2024/DS-PT  
Ngày: 26-7-2024  
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hội”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thu

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Trọng Nhân  
Bà Đinh Thị Ngọc Yến

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2024/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 255/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1943;

Địa chỉ: Ấp 5, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Dương Minh T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp 5, xã N, huyện T, tỉnh Long An (Giấy ủy quyền ngày 26-01-2024).

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp 5, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

**- Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị M - Bị đơn.

(Ông T và bà M có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 05-01-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L do ông Dương Minh T đại diện trình bày:*

Bà L tham gia 04 dây hụi do bà M làm chủ, bà L đóng hụi đầy đủ đến khi mãn hụi bà M không giao hụi cho bà L. Nhiều lần bà L yêu cầu bà M thanh toán tiền nợ hụi nhưng bà M không thực hiện, bà M có viết giấy tính tiền nợ hụi và chốt hụi với bà L, bà M xác định tổng số tiền hụi bà M nợ bà L là 88.500.000 đồng. Bà M hẹn bà L đến tháng 5/2024 bà M thanh toán hết nợ cho bà L nhưng đến tháng 12 năm 2023 thì bà M làm thủ tục sang tên đất cho em bà M, thấy bà M có dấu hiệu tẩu tán tài sản nên bà L yêu cầu bà M trả tiền trước hẹn nhưng bà M vẫn hứa hẹn mà không thực hiện. Nay ông T là người đại diện theo ủy quyền của bà L yêu cầu bà M trả số tiền nợ hụi là 88.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị M do bà La Thị Ngọc B đại diện trình bày:*

Bà M có làm chủ hụi, bà L có tham gia hụi và bà M có nợ tiền hụi của bà L, trong các dây hụi thì có một số hụi viên lãnh hụi nhưng không đóng tiền hụi chết, bà M đã choàng hụi một thời gian dài nay bà M không có khả năng choàng hụi. Bà M đang làm thủ tục kiện các hụi viên để đòi tiền hụi trả cho bà L. Đối với số tiền nợ hụi bà M thống nhất theo giấy chốt nợ bà L nợ bà M số tiền hụi là 88.500.000 đồng và xin được trả vào ngày 07-3-2025.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2024/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa quyết định:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 14, Điều 15 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ, Luật người cao tuổi;

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L đối với bà Nguyễn Thị M về hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị L 88.500.000 đồng (*Tám mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền hụi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03-4-2024, bị đơn bà Nguyễn Thị M kháng cáo xin trả dần hoặc cho bà trả nợ đến ngày 07-3-2025 và cản trừ số tiền 9.000.000 đồng của con dâu bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn có thay đổi yêu cầu kháng cáo xin được trả dần 10.000.000 đồng/năm cho đến khi hết nợ, không yêu cầu cản trừ số tiền 9.000.000 đồng của con dâu bà L. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của bà M trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bà L tham gia 04 dây hụi do bà M làm chủ. Bà M thừa nhận còn nợ bà L số tiền hụi tổng cộng là 88.500.000 đồng. Bản án sơ thẩm buộc bà M trả cho bà L 88.500.000 đồng là có căn cứ. Bà M kháng cáo xin được trả dần 10.000.000 đồng/năm cho đến khi hết nợ nhưng bà L không đồng ý nên kháng cáo của bà M là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị M đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bà M kháng cáo xin trả dần 10.000.000 đồng/năm cho đến khi hết nợ.

[2] Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả tiền góp hụi với số tiền 88.500.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L thấy rằng: bà L tham gia hụi do bà M làm chủ, bà L lãnh hụi nhưng bà M không giao hụi, bà M cũng thừa nhận còn thiếu tiền hụi bà L là 88.500.000 đồng. Do các hụi viên hốt hụi không đóng hụi chết nên bà M không có khả năng choàng hụi và không có tiền giao hụi cho bà L.

[4] Như vậy, bà M đã vi phạm vào khoản 3 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà M phải trả cho bà L 88.500.000 đồng tiền hụi là có căn cứ. Bà M kháng cáo xin trả dần 10.000.000 đồng/năm cho đến khi hết nợ nhưng bà L không đồng ý nên kháng cáo của bà M là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Tuy nhiên, các dây họ được xác lập, thực hiện từ năm 2022 nên áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường là không đúng nên cần điều chỉnh lại cho đúng.

[6] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà M là có căn cứ.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng bà M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 28/2024/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa;

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường, Luật Người cao tuổi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” với bà Nguyễn Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L 88.500.000 đồng (*Tám mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền hụi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị M được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thu**

